

Thời gian : 17h30 - 27/01/2010

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10					15	20		55			
1	132310401	Nguyễn Thị Lan Anh	T13KKT1	10						5	6		4.5	5.4	Năm phẩy Bốn
2	132310403	Trần Thị Ngọc Bích	T13KKT1	0						0	0		P	P	Nợ HP
3	132310407	Nguyễn Thị Thu Diệu	T13KKT1	9						6	4		4.5	5.1	Năm phẩy Một
4	132310409	Trương Thị Bích Thủy	T13KKT1	8						8	6		4.0	5.4	Năm phẩy Bốn
5	132310410	Trần Thị Mỹ Dung	T13KKT1	9						7	7		5.0	6.1	Sáu phẩy Một
6	132310411	Hoàng Anh Dung	T13KKT1	10						7	6		8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy
7	132310414	Nguyễn Thị Tuyết Hà	T13KKT1	10						7	6		7.0	7.1	Bảy phẩy Một
8	132310416	Lê Duy Hải	T13KKT1	10						5	7		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
9	132310418	Lê Thị Ngọc Hạnh	T13KKT1	9						7	6		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
10	132310421	Nguyễn Thị Diệu Hiền	T13KKT1	7						7	4		4.0	4.8	Bốn phẩy Tám
11	132310422	Phạm Thị Thanh Hiền	T13KKT1	10						7	5		4.5	5.5	Năm phẩy Năm
12	132310424	Nguyễn Thị Mỹ Hoà	T13KKT1	9						5	4		4.5	4.9	Bốn phẩy Chín
13	132310429	Nguyễn Thị Thu Huyền	T13KKT1	9						6	4		4.0	4.8	Bốn phẩy Tám
14	132310431	Nguyễn Khánh	T13KKT1	0						4	6		5.0	4.6	Bốn phẩy Sáu
15	132310434	Lê Thị Kiều Vi	T13KKT1	10						7	6		5.0	6.0	Sáu
16	132310439	Lưu Thị Xuân Mai	T13KKT1	9						7	6		5.0	5.9	Năm phẩy Chín
17	132310441	Trần Thị Nhân	T13KKT1	9						7	6		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
18	132310442	Đặng Thị Hồng Nhung	T13KKT1	9						6	5		5.0	5.6	Năm phẩy Sáu
19	132310447	Nguyễn Thị Phương	T13KKT1	9						7	4		4.5	5.2	Năm phẩy Hai
20	132310448	Ngô Thị Quý Phương	T13KKT1	9						6	4		5.5	5.6	Năm phẩy Sáu
21	132310449	Bùi Thị Diệu Phương	T13KKT1	10						6	4		7.0	6.6	Sáu phẩy Sáu
22	132310453	Nguyễn Thị Thái Thanh	T13KKT1	9						5	7		4.5	5.5	Năm phẩy Năm
23	132310455	Võ Thị Thu Thảo	T13KKT1	9						5	4		4.0	4.7	Bốn phẩy Bảy
24	132310457	Phan Thị Mỹ Thêu	T13KKT1	10						8	6		5.0	6.2	Sáu phẩy Hai
25	132310459	Phạm Thị Mai Thông	T13KKT1	10						6	6		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
26	132310461	Lê Thị Thương	T13KKT1	10						8	6		5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn
27	132310463	Phan Thị Thanh Thuý	T13KKT1	8						7	5		5.5	5.9	Năm phẩy Chín
28	132310466	Văn Thị Bích Thủy	T13KKT1	10						7	6		4.0	5.5	Năm phẩy Năm
29	132310467	Nguyễn Thị Mỹ Thùy	T13KKT1	10						6	7		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba
30	132310468	Đinh Văn Tích	T13KKT1	8						5	8		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
31	132310469	Đỗ Thị Thùy Trang	T13KKT1	9						8	4		7.0	6.8	Sáu phẩy Tám
32	132310470	Nguyễn Thị Hương Trang	T13KKT1	8						7	4		3.5	4.6	Bốn phẩy Sáu
33	132310471	Vũ Thị Hoài Trang	T13KKT1	0						0	0		P	P	Nợ HP

Thời gian : 17h30 - 27/01/2010

HỌC KỲ : 5

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10					15	20		55			
34	132310473	Đỗ Thị Tâm	Uyên	T13KKT1	10					7	7		4.5	5.9	Năm phẩy Chín
35	132310476	Phạm Hà Hồng	Vân	T13KKT1	10					7	8		4.0	5.9	Năm phẩy Chín
36	132310477	Phan Ái Tuyết	Vi	T13KKT1	10					5	7		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
37	132310478	Hoàng Thị	Vui	T13KKT1	10					4	4		4.5	4.9	Bốn phẩy Chín
38	132310481	Lê Thị	Yến	T13KKT1	9					6	7		4.0	5.4	Năm phẩy Bốn
39	132310483	Lê Thị Việt	Hồng	T13KKT1	8					6	7		5.5	6.1	Sáu phẩy Một
40	132310484	Đinh Thị Xuân	Quý	T13KKT1	10					7	8		7.0	7.5	Bảy phẩy Năm
41	132320624	Hoàng Thị Thuý	Hoài	T13KKT1	10					6	4		4.0	4.9	Bốn phẩy Chín
42	132320631	Trần Thị	Huế	T13KKT1	10					7	7		4.0	5.7	Năm phẩy Bảy
43	132320632	Trần Thị Thanh	Huê	T13KKT1	10					6	7		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba
44	132320701	Trần Thị Bích	Nga	T13KKT1	10					5	6		4.5	5.4	Năm phẩy Bốn
45	132320785	Nguyễn Thị	Tâm	T13KKT1	10					6	5		4.0	5.1	Năm phẩy Một
46	132320877	Trần Thị Duy	Trinh	T13KKT1	8					6	6		4.5	5.4	Năm phẩy Bốn
47	132320882	Thái Văn	Tuấn	T13KKT1	8					5	5		6.0	5.9	Năm phẩy Chín
48	132310402	Nguyễn Ngọc	Ba	T13KKT2	9					6	7		7.0	7.1	Bảy phẩy Một
49	132310404	Dương Thị Ngọc	Bích	T13KKT2	10					8	6		4.0	5.6	Năm phẩy Sáu
50	132310408	Cao Thị Thu	Đông	T13KKT2	10					6	9		5.0	6.5	Sáu phẩy Năm
51	132310412	Ngô Thị Ngọc	Dung	T13KKT2	10					7	6		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba
52	132310413	Cù Duy	Dương	T13KKT2	10					8	7		4.0	5.8	Năm phẩy Tám
53	132310415	Trần Thị Thu	Hà	T13KKT2	10					7	7		3.5	5.4	Năm phẩy Bốn
54	132310417	Cao Thị Thu	Hăng	T13KKT2	9					7	7		4.5	5.8	Năm phẩy Tám
55	132310419	Cao Thị Thuý	Hiên	T13KKT2	9					7	5		6.0	6.3	Sáu phẩy Ba
56	132310420	Nguyễn Thị Thu	Hiên	T13KKT2	10					6	6		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
57	132310425	Phan Thị Tuyết	Thương	T13KKT2	10					8	6		5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn
58	132310426	Đặng Thị Ngọc	Huê	T13KKT2	9					7	9		4.5	6.2	Sáu phẩy Hai
59	132310428	Nguyễn Thị	Hương	T13KKT2	10					7	5		6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu
60	132310430	Đỗ Thị Bích	Huyện	T13KKT2	10					8	6		4.5	5.9	Năm phẩy Chín
61	132310432	Hoàng Thị Thuý	Kiều	T13KKT2	10					8	5		5.0	6.0	Sáu
62	132310435	Trần Thị	Ly	T13KKT2	10					7	7		5.0	6.2	Sáu phẩy Hai
63	132310437	Nguyễn Thị	Lý	T13KKT2	10					8	5		8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu
64	132310438	Huỳnh Thị Anh Thảo	Lý	T13KKT2	9					6	6		4.5	5.5	Năm phẩy Năm
65	132310440	Phạm Thị	Nga	T13KKT2	9					6	7		5.5	6.2	Sáu phẩy Hai
66	132310443	Phạm Thị Thanh	Nhung	T13KKT2	10					7	7		5.0	6.2	Sáu phẩy Hai

Thời gian : 17h30 - 27/01/2010

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10					15	20		55			
67	132310444	Trần Thị Thuỳ Nhung	T13KKT2	8						6	7		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
68	132310445	Nguyễn Thị Ny	T13KKT2	10						6	8		4.0	5.7	Năm phẩy Bảy
69	132310446	Lê Thị Diễm Phúc	T13KKT2	10						9	5		8.0	7.8	Bảy phẩy Tám
70	132310451	Nguyễn Thị Lan Phương	T13KKT2	10						7	6		6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu
71	132310452	Lưu Thị Thanh Tâm	T13KKT2	10						7	9		4.0	6.1	Sáu phẩy Một
72	132310458	Thái Thị Thoa	T13KKT2	10						6	5		3.0	4.6	Bốn phẩy Sáu
73	132310460	Nguyễn Lạc Minh Thư	T13KKT2	10						5	7		3.0	4.8	Bốn phẩy Tám
74	132310462	Lê Thanh Thương	T13KKT2	9						8	6		4.5	5.8	Năm phẩy Tám
75	132310464	Nguyễn Thị Hồng Thuỷ	T13KKT2	10						8	6		3.5	5.3	Năm phẩy Ba
76	132310465	Lê Thị Bích Thủy	T13KKT2	8						7	7		2.5	4.6	Bốn phẩy Sáu
77	132310474	Nguyễn Thị Bích Vân	T13KKT2	10						8	7		8.5	8.3	Tám phẩy Ba
78	132310475	Đoàn Thị Hiền Vân	T13KKT2	9						7	9		6.0	7.1	Bảy phẩy Một
79	132310479	Hà Thị Tường Vy	T13KKT2	10						6	5		4.5	5.4	Năm phẩy Bốn
80	132310480	Phạm Hoàng Hải Yến	T13KKT2	8						6	7		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu
81	132310482	Nguyễn Hà Linh	T13KKT2	10						5	5		4.0	5.0	Năm
82	132320510	Đào Thị Vân Anh	T13KKT2	10						6	9		4.0	5.9	Năm phẩy Chín
83	132320547	Phạm Thị Hoàng Diệp	T13KKT2	9						6	6		4.5	5.5	Năm phẩy Năm
84	132320553	Phạm Thị Dung	T13KKT2	9						8	5		4.0	5.3	Năm phẩy Ba
85	132320628	Cao Thị Phương Hồng	T13KKT2	8						6	9		3.5	5.4	Năm phẩy Bốn
86	132320653	Đặng Thị Ngọc Lan	T13KKT2	10						8	7		5.0	6.4	Sáu phẩy Bốn
87	132320686	Nguyễn Tuấn Minh	T13KKT2	10						8	9		7.5	8.1	Tám phẩy Một
88	132320770	Nguyễn Thị Quỳnh Sâm	T13KKT2	10						7	5		5.0	5.8	Năm phẩy Tám
89	132320799	Võ Thị Thiên Thanh	T13KKT2	10						7	5		4.5	5.5	Năm phẩy Năm
90	132320817	Ngô Thị Phước Thiện	T13KKT2	10						8	9		5.0	6.8	Sáu phẩy Tám
91	132320846	Lê Thị Thu Thuỷ	T13KKT2	9						7	6		6.0	6.5	Sáu phẩy Năm
92	132320876	Bùi Thị Minh Triều	T13KKT2	10						6	7		6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu